TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
NHÓM TƯ VẤN QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG - FREM

SỔ TAY NHẬN BIẾT
CÁC LOÀI CÂY GỖ THƯỜNG GẶP

KIỂU RỪNG LÁ RỘNG THƯỜNG XANH VÀ NỬA RỤNG LÁ

Ở TÂY NGUYÊN

Năm 2012

MỞ ĐẦU

Sổ tay xác định nhanh loài thực vật trong các hệ sinh thái rừng, vùng sinh thái với mục đích hỗ trợ cho nhân viên lâm nghiệp hiện trường, giảng viên, nhà nghiên cứu, sinh viên, học sinh và những người quan tâm có thể tra cứu, xác định nhanh loài thực vật trong rừng.

Với mục đích đó, sổ tay này được xây dựng và sử dụng theo nguyên tắc:

- Tra cứu nhanh loài thực vật cho từng kiểu rừng, vùng sinh thái. Do vậy sổ tay được lập riêng cho từng đối tượng; mỗi kiểu rừng và vùng sinh thái có một sổ riêng; khi vào khu rừng nào, địa phương nào cụ thể thì chọn sổ thích hợp để giới hạn số loài cần định danh.
- Việc mô tả sinh thái, hình thái loài chỉ lựa chọn những đặc điểm có thể nhận biết ngay trong rừng, không chép lại các sách phân loại thực vật.
- Xác định loài nhanh thông qua hình thái cây bằng các hình ảnh chỉ thị rõ ràng và có thể nhận biết, thấy được ngay trong rừng như lá, cành, hoa, quả, vỏ, bạnh cây, nhựa, giác gỗ, ….
- Xác định nhanh thông qua đặc điểm nhận dạng đặc biệt riêng có của loài đó như: cành mọc ngang, vỏ có nhựa mủ đỏ, giác vàng …
- Loài được sắp xếp theo thứ tự A, B, C theo tên phổ thông của loài đó
- Ngoài ra một số loài đặc biệt có thể có thêm thông tin về công dụng, đặc điểm gỗ, sinh thái, mức quy hiếm, nguy cơ tuyệt chủng …

Sổ tay là tài liệu mở, thường xuyên được cập nhật bởi tất cả thành viên tham gia, do vậy mỗi thành viên trong quá trình nghiên cứu trong rừng có thể thu thập hình ảnh, thông tin để cập nhật; được in màu để làm việc trong rừng và upload và cập nhật trên web site: http://www.socialforestry.org.vn

Trưởng nhóm tư vấn

PGS.TS. Bảo Huy

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI XÂY DỰNG SỔ TAY

Stt	Họ và tên	Học vị học hàm	Trách nhiệm
1	Bảo Huy	PGS.TS.	Chủ biên Xây dựng cấu trúc sổ tay, khóa tra
2	Nguyễn Đức Định	Th.S.	Thu thập hình ảnh, dữ liệu, thông tin và định danh thực vật, xây dựng các khóa tra
3	Nguyễn Thế Hiển	KS.	Thu thập hình ảnh, mẫu vật, dữ liệu trên hiện trường và tập hợp thành sổ tay, khóa tra
4	Các thành viên FREM, sinh viên		Tham gia thu thập hình ảnh, mẫu vật

DANH MỤC TÊN LOÀI THEO TIẾNG VIỆT

1. AN TỨC HƯƠNG 8
2. BA BÉT 10
3. BÁCH XANH 12
4. BÀI NHÀI POILANE 14
5. BÀI NHÀI TÍCH LAN 16
6. BẢN XE 18
7. BẢN XE, CÁNH GIÁN 20
8. BẰNG LĂNG ỔI 22
9. BÌNH LINH CÁNH 24
10. BÌNH LINH NGHỆ 26
11. BỜI LỜI 28
12. BỜI LỜI CHANH 30
13. BỌT ẾCH 32
14. BỨA 34
15. BỨA LÁ DÀY 36
16. BỨA LÁ LỚN, TAI CHUA 38
17. BỨA LANESSAN 40
18. BỨA NÚI 42
19. BÙI NƯỚC 44
20. BÙI TÍA 46
21. BƯỞI BUNG 48
22. CÁCH MIÊN 50
23. CÀ TE 52
24. CHẠC KHẾ 54
25. CHẸO TÍA 56
26. CHÒ XÓT 58
27. CÒ KE LÔNG 60
28. CÔM BÔNG LỚN 62
29. CÔM ĐỒNG NAI 64
30. CÔM LÁ CHÈ 66
31. CÔM NẾN 68
32. CỒNG NÚI 70
33. CUỐNG VÀNG 72

34. DẠ HỢP 74
35. DÂU DA 76
36. DÂU TIÊN 78
37. DẦU NƯỚC 80
38. DẦU RÁI 82
39. DẺ ĐÁ 86
40. DẺ ĐÁ CỌNG MẢNH 88
41. DẺ LÁ LỚN 90
42. DÓ BẦU 92
43. DUNG 94
44. ĐA BỒ ĐỀ 96
45. QUAO VÀNG 98
46. ĐINH, QUAO RĂNG 100
47. GIÁC ĐẾ SÀI GÒN 102
48. GIÁNG HƯƠNG 104
49. GIANG QUẢNG ĐÔNG 106
50. GIỀN ĐỎ 108
51. GIỔI 110
52. GIỔI XƯƠNG 112
53. GÕ MẬT 114
54. GÕ NƯỚC, GỤ LAU 116
55. GỘI NÚI 118
56. HÈO, SANG TRẮNG 120
57. HỒI NÚI 122
58. HỒNG QUANG 124
59. HUỲNH NƯƠNG 126
60. KÈ ĐUÔI BÔNG 128
61. KIỀN KIỀN 130
62. KIM GIAO 132
63. LIM XẸT 134
64. LỌ NỒI Ô RÔ 136
65. LỘC VỪNG, CHIẾC CHÙM 138
66. LÔI 140
67. LÒNG MÁNG 142

68. LƯỠI NAI 144
69. MAO ĐÀI LÔNG 146
70. MÂN MÂY 148
71. MÁU CHÓ LÁ NHỎ 150
72. MÁU CHÓ LÔNG 152
73. MÍT NÀI 154
74. MÍT NÀI, CHAY LÁ BÓNG 156
75. MỠ 158
76. MÙNG QUÂN GAI ĐƠN 160
77. MUỒNG ĐEN 162
78. MUỒNG SUMATRA 164
79. MUỒNG HOA ĐÀO 166
80. NA HỒNG 168
81. NGÁI 170
82. NGÂU RỪNG 172
83. NGÁT VÀNG 174
84. NGŨ GIA BÌ, CHÂN CHIM 176
85. NHỘI 178
86. NÚC NÁC 180
87. PHAY, BẦN BẰNG LĂNG 182
88. PHỈ LƯỢC THUÔN, ĐỈNH TÙNG 184
89. PƠ MU 186
90. QUAU NƯỚC 188
91. QUẾ 190
92. QUẾ CUỐNG DÀI 192
93. QUẾ RÀNH 194
94. QUẾ GỪNG, RE BẦU 196
96. SANG MÁU 198
97. SANG MÁU RẠCH 200
98. SĂNG MÂY 202
99. SAO ĐEN 204
100. SẤU TÍA, SẤU NAM 206
101. SẾN ME, SẾN NAM BỘ 208
102. SẾN NÚI 210

103. SẾN NÚI LỚN **212**
104. SẾN XÃ **214**
105. SÒI TÍA **216**
106. SÓNG RẮN **218**
107. SỔ BÀ, SỔ ẤN **220**
108. SỔ BLANCHARD **222**
109. SỔ NHÁM **224**
110. SƠN MUỐI **226**
111. SỤ THON **228**
112. SỮA, MÒ CUA **230**
113. SỮA LÁ HẸP **232**
114. SƯNG ĐUÔI **234**
115. THÀN MÁT **236**
116. THÀN MÁT ĐEN **238**
117. THANH THẤT **240**
118. THỊ **242**
119. THỊ CÁNH SEN **244**
120. THỊ ĐÀI LÔNG **246**
121. THỊ HASSELT **248**
122. THÔNG 3 LÁ **250**
123. THÔNG 5 LÁ **252**
124. THÔNG 2 LÁ DẸT **254**
125. THÔNG NÀNG, THÔNG LÔNG GÀ **256**
126. THÔNG NƯỚC **258**
127. THÔNG TRE **260**
128. TÔ HẠP NAM **262**
129. TRAI TÍCH LAN **264**
130. TRÁM NÂU **266**
131. TRÂM BỒ ĐÀO **268**
132. TRÂM ĐỎ **270**
134. TRÔM ĐỒNG NAI, SẢNG CÁNH **272**
135. TRÔM HÔI **274**
136. TRÔM HOA NHỎ **276**
137. TRÔM LÁ QUẠT **278**

138. TRƯỜNG HÙNG LÔNG, TRÔM 280
139. ƯƠI, LƯỜI ƯƠI 282
140. VÀNG ANH 284
141. VÀNG NGHỆ 286
142. XÁ XỊ 288
143. XĂNG MÃ NGUYÊN 290
144. XOÀI VÀNG 292
145. XOAN 294
146. XOAN ĐÀO 294
147. XOAN MỘC 298
148. XOAN TA 300

1. AN TỨC HƯƠNG

Tên phổ thông loài: An tức hương, bồ đề nam

Tên địa phương loài:

Tên khoa học: *Styrax benzoides* Craib.

Họ: Styraceae

Bộ: Ericales

Hình ảnh nhận dạng loài

Lá

Cành

Thân

Vỏ, giác gỗ